TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiên

Ông Sơn Mứt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ 10, ấp L, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Châu Minh N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ 02, ấp 1, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Ngọc T trình bày: Qua thời gian tìm hiểu nhau, bà T và ông Châu Minh N tiến đến hôn nhân, cả hai có tổ chức lễ cưới và

có đăng ký kết hôn được UBND xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/7/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà thường cự cãi do bất đồng quan điểm sống nên cả hai đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Châu Minh N.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Châu Hoài T1, sinh ngày 31/8/2015 hiện đang sống cùng bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Châu Hoài T1, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Châu Minh N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 119/2020/TB-TLVA ngày 12/5/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 782/2020/TB-TA ngày 13/10/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 930/2020/TB-TA ngày 23/11/2020 nhưng ông N không cung cấp bản khai ý kiến và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Ngọc T.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Ngọc T và bị đơn Châu Minh N vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Lê Ngọc T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn Châu Minh N có nơi cư trú tại xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06/01/2021, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, ông Châu Minh N đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử nhưng ông N vắng mặt không rõ lý do. Ngày 06/01/2021, ông N đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2021 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông N vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn

Châu Minh N đã được Tòa án triệp tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý và nguyên đơn Lê Ngọc T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N và bà T.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Sau khi tổ chức lễ cưới, bà T và ông N có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/7/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của bà T và ông N: Theo lời khai của bà T, sau khi kết hôn thì vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N không đến Tòa án trình bày về tình trạng hôn nhân hiện nay và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giữa bà T và ông N đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Ngọc T, bà Lê Ngọc T được ly hôn với ông Châu Minh N.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông N có 01 con chung tên Châu Hoài T1, sinh ngày 31/8/2015 hiện đang sống cùng bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Châu Hoài T1, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, hiện bà T kinh doanh mua bán tại nhà, thu nhập ổn định mỗi tháng từ 8.000.000đồng đến 9.000.000đồng/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con chung Châu Hoài T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà T về việc nuôi con chung nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Để tiếp tục đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu Châu Hoài T1, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Châu Hoài T1, sinh ngày 31/8/2015 cho đến khi cháu Châu Hoài T1 đủ 18 tuổi.

Ông Châu Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Châu Hoài T1, sinh ngày 31/8/2015 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T chưa yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung Châu Hoài T1 nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông N vắng mặt không có ý kiến bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà Lê Ngọc T và ông Châu Minh N được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc T được ly hôn với ông Châu Minh N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Châu Hoài T1, sinh ngày 31/8/2015 cho đến khi cháu Châu Hoài T1 đủ 18 tuổi.

Ông Châu Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Châu Hoài T1, sinh ngày 31/8/2015 mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Ngọc T chưa yêu cầu ông Châu Minh N cấp dưỡng nuôi con chung Châu Hoài T1 nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Lê Ngọc T và ông Châu Minh N được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí:

- Về án phí: Bà Lê Ngọc T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010205 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà Lê Ngọc T đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, bà Lê Ngọc T và ông Châu Minh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lý Thị Thúy Quỳnh